Unit 4

LIFE IN THE PAST

WEEK 11

A THEORY: LANGUAGE KNOWLEDGE

1 PRONUNCIATION

Nhấn trọng âm vào trợ động từ trong câu.

Thông thường, trợ động từ không được phát âm nhấn mạnh trong câu. Chúng chỉ được nhấn trọng âm khi:

- Khi trợ động từ được nhấn mạnh. Ví dụ: I can do this job. I'm sure I can.
- Khi trợ động từ được thêm vào trong câu để nhấn mạnh động từ chính. Ví dụ: I did finish my homework.
- Khi trợ động từ đứng ở cuối câu.

Ví dụ: He runs as fast as he can.

- Khi trợ động từ ở thể phủ định.

Ví dụ: He can sing but he can't dance.

2 GRAMMAR

1. Ôn tập lại Cấu trúc *Used to*

1.1 Used to + Verb: Đã từng, từng

Chỉ một thói quen, một hành động thường xuyên xảy ra trong quá khứ vì bây giờ không còn nữa.

Ví dụ:

I used to smoke a packet a day but I stopped two years ago.

Trước đây tôi hút 1 gói thuốc 1 ngày nhưng từ 2 năm trở lại đây tôi không hút thuốc nữa.

I used to drive to work but now I take the bus.

Trước đây tôi thường lái xe đi làm nhưng hiện nay tôi đi làm bằng xe bu{t.

1.2 To be used to + V-ing/ Noun: Trở nên quen với..

Ví dụ:

I'm used to living on my own. I've done it for quite a long time.

Tôi thường ở 1 mình. Và tôi đã ở một mình được một khoảng thời gian khá lâu.

LIVEWORKSHEETS

Hans has lived in England for over a year so he is used to driving on the left now.

Hans đã sống ở Anh hơn 1 năm rồi nên giờ anh ấy quen lái xe bên tay trái.

1.3 Get used to + V-ing/ noun: Đang quen với việc gì.

Ví dụ:

She has started working at nights and is still getting used to sleeping during the day.

Cô ấy bắt đầu làm việc vào ban đêm và dần quen với việc ngủ suốt ngày.

I have always lived in the country but now I'm beginning to get used to living in the city.

Tôi luôn sống ở miền quê nhưng giờ đây tôi bắt đầu dần quen với việc sống ở thành phố.

2. Sử dụng "wish" ở hiện tại

Để diễn đạt một mong muốn ở hiện tại, chúng ta dùng cấu trúc

S + wish(es) + thì quá khứ

Ví dụ:

I wish I knew the answer to this question. (at present I don't know the answer)

I wish I didn't have so much work to do. (I do have a lot of work).

B PRACTICE

Exercise 1: Complete the sentences using the given words.

seniority	generations	wealthy	marriage	competition
violence	survive	funeral	access	bread winner

1. All of the people attending the .....are wearing black clothes.
2. Parents should teach their children necessary skills to ..... in dangerous situations.
3. The gap between ..... people and poor people is becoming wider.
4. There are many ..... living in an extended family.
5. The candidates participating in the ..... are all talented.
6. She has become the ..... of her family since her husband lost his job.
7. Strangers can't ..... this area unless they are allowed by the manager.
8. Parents shouldn't let their children see any ..... between them.
9. His second ..... was broken again because of his selfishness.
10. She was recruited to do the job thanks to her .....

Exercise 2: Choose the best answer.

1. Mobile phones and computers are essential technological ..... for young generation.

   A. facility B. facilities C. facilitator

2. Poor children don't have shoes to wear, so they have to go .....

   A. sandals B. foot C. bare-footed

LIVEWORKSHEETS

3. The parents are helping their children build ..... behind their house.

   A. event B. occasion C. igloos

4. The stories about the family's ancestors are ..... on to next generations.

   A. pass B. passed C passing

5. We can see many ..... with two loads of fruits on their shoulders in the streets in Hanoi.

   A. street vendors B. electricians C. doctors

6. People can eat a lot of ..... while watching TV.

   A. facility B. loudspeaker C. snacks

7. Historical stories were ..... out in the event.

   A. acted B. played C. role

8. How can you keep balance in the ..... ?

   A. snacks B. dogsled C. bare-footed

9. These products are on sale on special ..... of the stores.

   A. loudspeaker B. street vendor C. occasions

10. Husband should be the ..... in the family.

    A. chef B. bread maker C. breadwinner

LIVEWORKSHEETS